TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **223**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2023
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Duy**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Vĩnh P**, sinh năm xxxx. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Ấp TX, xã PT, huyện G, Tiền Giang.
- Bị đơn: **Nguyễn Thị D**, sinh năm xxxx. *(vắng mặt không lý do)*
Địa chỉ: Ấp TX, xã PT, huyện G, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 06/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Vĩnh P trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị D kết hôn năm 1997, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện G. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc cho đến trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2020 thì anh thường xuyên đi làm xa, ít khi về nhà. Chị D sống cùng ba của anh và 03 đứa con gái ở quê. Chị D mê cờ bạc, số đề và cầm cố hết tài sản gia đình, nhiều lần bỏ đi trốn nợ. Đến năm 2022, ba anh chết nên anh đã bán tài sản được thừa kế để chuộc lại nhà đất sinh sống. Từ tháng 3/2022, chị D tiếp tục bỏ nhà đi, hiện không liên lạc được. Chủ nợ của chị D nhiều lần đến nhà tìm anh và hành hung anh phải nhập viện nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh và chị D chung sống có 03 người con chung gồm Nguyễn Thị Thúy D1, sinh năm xxxx; Nguyễn Thị Thùy D2, sinh năm xxxx và Nguyễn Thị

Thu A, sinh ngày xxxx hiện đều đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị D không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Vĩnh P dù Tòa án đã tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh P, nhận thấy:

- Anh và chị D cưới vào năm 1997, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã PT theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 08/02/2021 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Quá trình chung sống, theo lời khai của anh thì giữa anh và chị D phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị D ham mê cờ bạc, số đề và bỏ nhà đi từ tháng 3/2022 đến nay không liên lạc được. Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh được biết hiện chị D vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú cùng địa chỉ với anh P nhưng hiện chị không còn sinh sống tại địa phương; Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng không nhận được sự phản đối từ phía chị D đối với yêu cầu ly hôn của anh P. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì những mâu thuẫn vợ chồng như anh P đã nêu trên là những tình tiết không phải chứng minh. Như vậy cho thấy hôn nhân của anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện không còn chung sống, chị D cũng không có bất kỳ động thái nào đề nghị hàn gắn tình cảm; bỏ mặc, không quan tâm đến kết quả giải quyết ly hôn tại Tòa án. Nhận thấy mục đích của hôn nhân chủ yếu là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng quá trình chung sống đến những năm gần đây thì mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được với những mâu thuẫn như nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P, cho anh được ly hôn với chị D là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh chị chung sống có 03 người con chung gồm Nguyễn Thị Thúy D1, sinh năm xxxx; Nguyễn Thị Thùy D2, sinh năm xxxx và Nguyễn Thị

Thu A, sinh ngày xxxx hiện đều đã trưởng thành, anh chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh P yêu cầu xin ly hôn nên anh phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Vĩnh P, cho anh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh P phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028554 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, xem như anh đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND Huyện G;
- CC.THADS Huyện G;
- UBND xã PT, Huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.